

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2022

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Nhan;
2. Ông Phan Thành Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị Thùy L, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: ấp X, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Trương Quốc T, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: ấp P, xã TA, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Chị L có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L trình bày:

Chị Lê Thị Thùy L và anh Trương Quốc T được mai mối và tự nguyện kết hôn vào năm 2007 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (Nay là xã TA, huyện B). Sau khi cưới, thời gian đầu anh T, chị L sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị hay gây gổ, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Anh T không lo làm ăn, không lo cho vợ con, thường hay đánh đập chị. Nhận thấy không còn sống chung được nữa nên chị L về sinh sống tại ấp

X, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre đến nay. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị L đã tìm cách tháo gỡ. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa và tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Nay, chị L xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: anh chị có 02 con chung là Trương Thị Thúy V, sinh ngày 02/12/2007 và Trương Hoàng Duy L1, sinh ngày 29/3/2012. Hiện nay cháu V đang sống với chị L; cháu L1 đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi 02 con; yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Do chị L bận công việc nên không đến dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Anh T vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 14/6/2022, chị L đồng ý cho anh T được tiếp tục nuôi cháu L1; chị L được nuôi cháu Vy. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thùy L.

Về con chung: chị Lê Thị Thùy L được nuôi dưỡng cháu Trương Thị Thúy V, sinh ngày 02/12/2007. Anh Trương Quốc T được nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng Duy L1, sinh ngày 29/3/2012.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 13/4/2022, chị Lê Thị Thùy L khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Quốc T. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị L có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị L*:

Chị L, anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2007 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là xã TA, huyện B) được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/10/2007. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị hay gây gổ, cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Anh T không lo làm ăn, không lo cho vợ con, thường hay đánh đập chị. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị L đã tìm cách tháo gỡ. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa và tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị L, anh T ly thân từ giữa năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này có cơ sở khẳng định, anh T không còn tha thiết và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị L nên có căn cứ xác định tình trạng của vợ chồng chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: anh T, chị L có 02 con chung là Trương Thị Thúy V, sinh ngày 02/12/2007 và Trương Hoàng Duy L1, sinh ngày 29/3/2012. Hiện nay cháu V đang sống với chị L; cháu L1 đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị L đồng ý cho anh T được tiếp tục nuôi cháu L1; chị L được nuôi cháu V. Đối với yêu cầu này của chị L, anh T vắng mặt nên không có lời trình bày. Xét thấy, cháu L1 hiện đang sống với anh T đã ổn định và cháu cũng có mong muốn được sống với anh T. Chị L cũng đồng ý cho anh T được tiếp tục nuôi cháu L1; cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên ghi nhận. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về chia tài sản chung*: chị L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án

giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy L xin ly hôn đối với anh Trương Quốc T;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thùy L với anh Trương Quốc T.

* Về nuôi con chung: chị Lê Thị Thùy L được nuôi dưỡng cháu Trương Thị Thúy V, sinh ngày 02/12/2007. Anh Trương Quốc T được nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng Duy L1, sinh ngày 29/3/2012. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Lê Thị Thùy L và anh Trương Quốc T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung: chị Lê Thị Thùy L xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: chị Lê Thị Thùy L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Thùy L không yêu cầu anh Trương Quốc T cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Lê Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005083 ngày 13/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã TA;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung